

Số: 08/BB-HĐXTN

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2019

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng xét tốt nghiệp
Lớp Trung cấp LLCT-HC A42 (hệ tập trung)

Vào hồi 10h00' ngày 30/01/2019, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A42 họp xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT-HC A42 (hệ tập trung).

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 10/QĐ-TCT, ngày 14/01/2019 gồm 12 đồng chí, có mặt 11/12 đồng chí. Vắng 01 đồng chí Trịnh Sơn - có lý do.

Chủ trì: Đ/c Sèn Chín Ly - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng;

Thư ký: Đ/c Trần Văn Đình - Trưởng phòng Đào tạo, thư ký Hội đồng.

Nội dung:

1. Đồng chí Sèn Chín Ly - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp, phương pháp làm việc.

2. Đồng chí Trần Văn Đình - thư ký Hội đồng báo cáo kết quả học tập của học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A42 (hệ tập trung) và đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 47 (Bốn mươi bảy) học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A42. Trong đó: xếp loại giỏi 10 học viên; xếp loại khá 26 học viên; xếp loại trung bình 11 học viên. Có 01 học viên Lại Thị Thu Huyền có điểm trung bình khóa học đạt từ 8,0 đến cận 9,0, nhưng có điểm phần học dưới 7,0 (III.1 = 6.50), có 01 học viên Triệu Văn Nam có điểm trung bình khóa học đạt từ 7,0 đến cận 8,0 nhưng có 01 điểm thi học phần dưới 6,0 (phần III.1 = 5,75).

3. Đồng chí Trịnh Diệu Bình - Thanh tra thi tốt nghiệp: Báo cáo kết quả thanh tra đề thi, coi thi, chấm thi, chấm tiểu luận tốt nghiệp. Tất cả các quá trình trên đều thực hiện đảm bảo đúng quy chế, quy định, đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình coi thi còn để học viên ra ngoài trong giờ làm bài, còn 01 tiểu luận sau chưa ghi chưa đầy đủ các mục, có tiểu luận còn chưa ký tên người chấm và chưa ghi điểm vào tiểu luận.

4. Căn cứ Quy chế đánh giá và quản lý kết quả học tập của học viên Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCQG, ngày 21/4/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh); Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên.

Hội đồng thảo luận và kết luận: Nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 47 (Bốn mươi bảy) học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A42. Trong đó: Xếp loại giỏi 10 học viên; khá 26 học viên; xếp loại trung bình 11 học viên. (có danh sách kèm theo).

Biểu quyết nhất trí: 11/12 đồng chí = 91,67%.

5. Tổ chức thực hiện

- Phòng Đào tạo hoàn thiện biên bản, soạn thảo Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A42 (hệ tập trung) trình Hiệu trưởng.

- Phòng Đào tạo phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng vào 14 giờ 30' ngày 26/02/2019.

Hội nghị kết thúc vào hồi 10h45' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các thành viên HĐXTN;
- Chủ nhiệm lớp;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, HS.

THƯ KÝ

Trần Văn Đĩnh

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỌA



HIỆU TRƯỞNG
Søren Chử Ly

DANH SÁCH
(Kèm theo Biên bản số: **06** /BB-HĐXTN, ngày **30** tháng 01 năm 2019)

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm tiểu luận, tốt nghiệp	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
1	Trần Tuấn	Anh	7,25	7,00	8,00	6,75	7,25	7,50	7,25	8,00	7,50	8,00	7,50	7,50	7,46		7,46	Khá	
2	Nguyễn Văn	Bạ	6,50	6,00	6,75	6,50	6,75	6,50	6,75	6,00	7,50	7,00	7,25	7,42	6,84		6,84	Trung bình	
3	Bùi Văn	Biên	8,00	7,50	7,50	8,00	7,75	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	8,25	7,83	7,77		7,77	Khá	
4	Hoàng Thị	Chi	7,50	7,50	7,50	7,50	7,25	7,75	8,00	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	7,73		7,73	Khá	
5	Trần Thị Hồng	Chinh	8,00	7,50	8,00	7,25	8,25	8,00	8,25	7,25	8,00	7,50	8,50	9,00	8,11		8,11	Giỏi	
6	Nguyễn Văn	Chính	7,50	8,00	6,50	7,25	7,75	8,00	8,00	7,50	7,25	8,00	7,00	7,17	7,45		7,45	Khá	
7	Lù Tiến	Chức	7,00	7,00	7,00	6,25	7,75	7,75	8,00	7,75	7,25	7,50	8,50	7,58	7,46		7,46	Khá	
8	Hoàng Văn	Cường	7,50	6,50	6,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,75	7,50	7,00	8,50	7,33	7,30		7,30	Khá	
9	Đặng Văn	Điền	8,00	7,50	7,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	7,50	7,50	7,67	7,68		7,68	Khá	
10	Vàng Văn	Đương	7,75	6,50	7,00	6,75	7,50	6,50	8,00	7,25	7,50	7,00	8,00	7,08	7,21		7,21	Khá	
11	Nguyễn Văn	Duy	8,00	6,50	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	7,50	7,50	8,00	8,00	8,17	7,84		7,84	Khá	
12	Phan Thị Ngọc	Hà	8,25	8,25	8,00	8,00	7,75	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	7,50	9,00	8,21	0,30	8,51	Giỏi	
13	Đinh Thanh	Hà	8,00	8,00	8,00	7,00	7,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,83	7,75	0,30	8,05	Giỏi	
14	Hoàng Thế	Hanh	8,00	8,50	8,00	7,25	7,00	7,50	8,00	7,50	8,00	7,50	7,50	9,00	7,98	0,50	8,48	Giỏi	
15	Lý A	Hạnh	6,00	5,00	6,00	5,25	6,50	5,00	6,50	6,00	7,00	7,00	7,00	6,75	6,25		6,25	Trung bình	
16	Nguyễn Văn	Hoa	8,00	7,50	7,50	7,25	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,92	7,79		7,79	Khá	
17	Cao Diễm	Hoài	7,25	8,50	8,00	8,00	7,25	8,50	8,00	7,50	7,50	8,00	7,00	9,00	8,04		8,04	Giỏi	
18	Lại Thị Thu	Huyền	7,75	8,00	8,00	6,50	7,50	8,50	8,00	8,50	7,75	8,00	8,50	9,00	8,14		8,14	Khá	III.1 < 7,0
19	Nguyễn Trung	Kiên	6,00	7,00	6,50	7,00	7,50	7,50	6,75	7,00	8,00	7,00	8,00	6,58	7,00		7,00	Khá	
20	Nguyễn Thị	Lợi	6,50	6,50	6,50	6,50	7,75	8,00	7,00	6,25	7,25	8,00	7,50	7,17	7,09		7,09	Khá	
21	Hoàng Văn	Lũy	7,00	6,50	6,00	7,00	7,00	6,00	6,50	7,50	7,75	7,00	7,50	6,92	6,89		6,89	Trung bình	
22	Nguyễn Thị	Mạnh	7,00	7,50	7,00	6,25	7,75	8,25	7,75	7,25	7,50	7,50	7,50	7,75	7,46		7,46	Khá	
23	Hoàng Ngọc	Minh	8,25	8,50	8,00	7,50	7,75	8,50	8,00	8,50	7,75	8,00	9,00	9,00	8,34		8,34	Giỏi	

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm tiểu luận, tốt nghiệp	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
24	Hà Thị Trà	My	7,25	8,50	8,00	7,00	7,50	8,50	8,00	7,75	8,00	8,00	7,00	9,00	8,04		8,04	Giỏi	
25	Triệu Văn	Nam	7,00	7,00	7,25	5,75	7,25	7,25	6,00	6,75	7,25	7,50	7,50	7,58	7,09		7,09	Trung bình	III.1 < 6,0
26	Chúng Tờ	Phà	7,00	6,50	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50	8,00	6,75	7,05		7,05	Khá	
27	Thào Mí	Phừ	6,25	6,50	5,75	6,50	7,25	7,00	6,75	7,00	7,50	7,00	8,00	7,08	6,91		6,91	Trung bình	
28	Lục Văn	Phuong	7,00	6,50	7,50	7,00	6,75	6,75	6,75	6,00	5,50	6,50	8,00	6,42	6,68		6,68	Trung bình	
29	Sùng Chấn	Po	7,00	7,00	6,75	7,25	7,25	7,25	6,75	7,00	7,50	7,50	7,50	7,08	7,14		7,14	Khá	
30	Trần Đăng	Son	6,00	6,50	6,00	7,00	6,75	8,00	7,00	6,00	6,00	7,00	8,00	7,25	6,86		6,86	Trung bình	
31	Chu Thị Thanh	Tâm	8,25	8,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,50	9,00	8,27		8,27	Giỏi	
32	Làn Văn	Thành	7,25	7,50	6,00	7,50	7,50	7,75	6,50	7,00	7,75	7,50	7,50	6,83	7,16		7,16	Khá	
33	Lò Văn	Thành	7,00	7,50	6,50	6,75	7,50	7,75	7,25	6,50	7,50	7,00	7,00	6,83	7,05		7,05	Khá	
34	Nguyễn Văn	Thảo	7,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,00	7,50	8,00	7,50	7,00	7,20		7,20	Khá	
35	Trần Thị	Thom	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	8,50	8,00	7,00	8,00	8,00	8,50	9,00	8,16		8,16	Giỏi	
36	Minh	Thu	8,00	8,00	8,00	7,75	7,25	8,50	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,93		7,93	Khá	
37	Trần Văn	Thụy	7,50	7,00	7,00	7,75	7,75	7,25	7,00	7,00	7,50	6,50	8,50	7,00	7,27		7,27	Khá	
38	Bùi Thị	Toàn	8,00	8,25	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,50	9,00	8,21		8,21	Giỏi	
39	Vân Đức	Tom	8,00	7,50	7,75	6,00	7,50	7,50	8,00	7,25	8,00	8,00	8,50	7,50	7,61		7,61	Khá	
40	Mai Thị Huyền	Trang	6,50	8,00	6,50	6,75	7,75	7,50	7,00	7,00	8,00	7,50	8,50	8,00	7,50		7,50	Khá	
41	Giàng Mí	Tro	7,50	7,00	6,75	6,25	7,25	6,50	7,00	7,00	7,25	7,50	6,50	6,75	6,91		6,91	Trung bình	
42	Giàng Minh	Tuấn	6,50	7,50	7,00	7,50	7,00	7,00	6,75	7,00	7,00	7,50	8,00	7,25	7,18		7,18	Khá	
43	Lò Minh	Tuấn	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,00	6,75	7,00	7,25	7,50	8,00	7,50	7,25		7,25	Khá	
44	Lương Thanh	Tùng	7,50	7,00	7,50	8,00	7,75	7,75	7,00	8,00	7,75	7,50	8,00	8,08	7,71		7,71	Khá	
45	Tài Đức	Văn	6,25	8,00	6,50	7,00	6,50	6,75	6,50	7,00	7,50	8,00	7,00	6,50	6,89		6,89	Trung bình	
46	Tài Seo	Văn	6,00	6,50	7,00	5,00	6,50	6,75	6,25	6,00	7,00	7,00	7,00	6,25	6,41		6,41	Trung bình	
47	Sùng Mí	Xá	8,00	7,50	7,00	7,00	6,00	6,75	6,50	7,00	7,00	6,00	7,75	6,75	6,91		6,91	Trung bình	

* Danh sách ấn định: 47 học viên